

BỘ SƯNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)



STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
1	Bổ sung 52 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 24 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			104.08	13.51	90.57
1	Khu tái định cư tại xã Nghĩa Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nghĩa Ninh	Đông Hới	3.46	1.80	1.66
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	3.50		3.50
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2.50		2.50
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.70		1.70
5	Di chuyển đường dây điện đoạn Vũng Áng - Bùng, đoạn qua huyện Quảng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp, Quảng Châu	Quảng Trạch	4.05		4.05
6	Hà tầng kỹ thuật Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1: Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2.10	2.00	0.10
7	Nghĩa trang nhân dân xã Duy Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
8	Nghĩa trang nhân dân xã Hàm Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
9	Nghĩa trang nhân dân xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hiền Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
10	Nghĩa trang nhân dân xã Xuân Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00



STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
11	Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
12	Nghĩa trang nhân dân xã Vạn Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
13	Bãi rác huyện Quảng Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	10.00		10.00
14	Di dời nhà văn hóa thôn Áng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.60		0.60
15	Di dời hệ thống cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	An Ninh	Quảng Ninh	0.20		0.20
16	Di dời đường điện 500 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	0.50		0.50
17	Di dời đường điện 220 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.40		0.40
18	Di dời đường điện 110 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	0.18		0.18
19	Di dời đường dây trung thế (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.04	0.01	0.03
20	Di dời đường dây hạ thế (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, An Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.05	0.01	0.04
21	Di dời đường dây thông tin (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.02	0.01	0.01
22	Trụ sở cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.32	0.18	0.14
23	Xây dựng mới 70 điểm quan trắc tải nguyên nước dưới đất thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Quảng Lưu, Quảng Tùng, Nam Lý	Quảng Trạch, Đồng Hới	0.03		0.03
24	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL1A tới nhà văn hóa Thôn 2 xã Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	0.38	0.17	0.21

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
25	Xây dựng dự án nút giao thông giao cắt giữa Quốc lộ 1 với tuyến đường từ Quốc lộ 1 đi Bàu Sen	Quảng Xuân	Quảng Trạch	0.13		0.13
26	Nâng cấp đường liên xã từ Dinh Mười đi thôn Tân Định (đoạn QL1A đi đường BOT)	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00
27	Nâng cấp đường từ phía nam nhà văn hóa thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2.80		2.80
28	Đường Dinh Mười đi thôn Tiên Vinh	Xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2.60		2.60
29	Đường Cầu Hốc đi nhà thờ Hoàng Kế Viêm	Lương Ninh	Quảng Ninh	0.16	0.06	0.10
30	Hạ tầng kỹ thuật đường Hai Bà Trưng	Quán Hào	Quảng Ninh	0.90	0.40	0.50
31	Nâng cấp đường Lê Lợi, Lê Quý Đôn đến chợ Quán Hào	Quán Hào	Quảng Ninh	0.40		0.40
32	Nâng cấp đường 564B đến trung tâm xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.60	0.55	0.05
33	Đường giao thông nối nhà văn hóa đi vùng lườn thôn Hiến Vinh	Duy Ninh	Quảng Ninh	1.30	0.60	0.70
34	Nâng cấp đường liên thôn Trường Niên - Quyết Tiến	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.43	0.33	0.10
35	Đường từ chợ Dinh Mười đi trạm bơm Rào Bạc	Gia Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	0.60	0.40	0.20
36	Đường nối từ nhà văn hóa thôn Rào Đá đi khu di tích núi Thần Định	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.16	0.05
37	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.00	2.50	2.50
38	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.50		2.50
39	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00
40	Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	1.50		1.50
41	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	3.00	1.00	2.00
42	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	9.50		9.50
43	Hệ thống hạ tầng và kênh thoát nước phía Nam Trung tâm huyện Lý Quảng Trạch	Quảng Phương, Quảng Hưng	Quảng Trạch	5.93	0.08	5.85

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
44	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Troóc Trầu (Giai đoạn 2)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	3.00	2.00	1.00
45	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.24	0.24	
46	Nhà văn hóa thôn Thạch Trung	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.40		0.40
47	Trụ sở công an xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.24	0.21	0.03
48	Trụ sở công an xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.33	0.02
49	Xây dựng Khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	4.73	0.20	4.53
50	Dự án xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đức Ninh, Bắc Nghĩa	Đồng Hới	1.14		1.14
51	Dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	Bắc Lý, Nam Lý	Đồng Hới	4.18	0.15	4.03
52	Tạo quỹ đất tại xã Trường Xuân (phục vụ di dời hộ dân ra khỏi khu vực ô nhiễm và nguy hiểm tính mạng do việc nổ mìn khai thác đá của Công ty TNHH Thế Thịnh)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.12	0.09
II	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 04 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			54.37	12.94	41.43
1	Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Quảng Phong, Quảng Long, Quảng Xuân, Quảng Phương, Cảnh Hoá	Ba Đồn, Quảng Trạch	14.39	3.69	10.70
	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Quảng Xuân, Quảng Phương, Quảng Phong, Quảng Long	Ba Đồn, Quảng Trạch	24.07	9.69	14.38
	Dự án thành phần 2: Đầu tư hoàn thiện QL.12A đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Cảnh Hoá	Quảng Trạch	0.81	0.08	0.73

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (đi dòi mò mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Trạch	Quảng Trạch	1.15		1.15
		Nay điều chỉnh	Quảng Trạch	Quảng Trạch	3.50		3.50
3	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.00	0.90	0.10
		Nay điều chỉnh	Quảng Hợp	Quảng Trạch	5.50		5.50
		Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.10		7.10
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hường Phương - Khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.49		10.49
		Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.30		10.30
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hường Phương - Khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.50		3.50
		Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.90		7.90
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tô Xá (đi dòi mò mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.00		3.00
		Đã phê duyệt	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.65	1.65	
7	Khu tái định cư tại đồng Chọ thôn Tam Đa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nay điều chỉnh	Quảng Lưu	Quảng Trạch	2.13	2.13	
		Đã phê duyệt	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.42	0.41	0.01
		Nay điều chỉnh	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.43	0.41	0.02
8	Đất ở tại nông thôn xã Dương Thủy	Đã phê duyệt	Hoa Thủy, Sơn Thủy, Phú Thủy, Mai Thủy	Lệ Thủy	0.90	0.60	0.30
		Nay điều chỉnh	Hoa Thủy, Sơn Thủy, Phú Thủy, Mai Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.94	0.63	0.31
9	Nâng cao khả năng mang tải DZ 110KV TBA 110KV Đồng Hới - Lệ Thủy	Nay điều chỉnh					
Tổng (I+II): 61 dự án				158.45	26.45	132.00	

Ghi chú: 61 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng